

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 751/2024/TLST-HNGĐ02 tháng 10 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Khóm E, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông **Lê Minh H**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: số D tỉnh lộ 10, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Thị N** và ông **Lê Minh H**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị N và ông Lê Minh Hiếu thuận T ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 12 do Ủy ban nhân dân phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2023 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: có 01 (một) con chung là Lê Minh Gia B, sinh ngày 09/01/2023.

Bà Trần Thị N đồng ý giao con chung là Lê Minh Gia B, sinh ngày 09/01/2023 cho ông Lê Minh H tiếp tục nuôi dưỡng; ông Lê Minh H không yêu cầu bà Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con chung; Nếu sau này có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết sau.

Bà Trần Thị N có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản, vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị N và ông Lê Minh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trần Thị N và ông Lê Minh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Trần Thị N đã nộp là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0042847 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, TP .. Bà Trần Thị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Ủy ban nhân dân phường 11, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Văn Hải